

# Các phương thức đạt được Hòa bình: Một nhận thức Phật giáo về Phục hồi Công lý

---

Carina Pichler

---

Nguyễn Thị Mỹ Lệ dịch

## Giới thiệu

Giáo lý Phật giáo luôn đề cao việc bất bạo động, lòng từ bi, tình yêu thương con người và tình bạn thiêng liêng. Dựa trên quan niệm về mối quan hệ tương quan và sự liên kết trong tồn tại, giáo lý Phật giáo đại diện cho một tôn giáo hay triết lý về giá trị tập thể chứ không tập trung vào cá nhân. Các giả định về nguồn gốc của sự phụ thuộc lẫn nhau và trách nhiệm tập thể trong sự hiểu biết về tình trạng liên kết. Sự liên quan của việc thiếu hiểu biết này tác động thế nào đến phục hồi công lý?

Phục hồi công lý mô tả cách đối phó với xung đột và tội lỗi, nó tập trung vào việc cải thiện những thiệt hại đã diễn ra và khôi phục lại các mối quan hệ. Trong những thập kỷ qua, phục hồi công lý được

thực hiện trên phương diện quốc tế, đặc biệt là trong hệ thống pháp luật và ngày càng phổ biến. Các chương trình phổ biến trong hệ thống luật pháp bao gồm nạn nhân- người phạm tội hòa giải, gia đình và các hội nghị nhóm cộng đồng và giới phục hồi. Phục hồi công lý còn được áp dụng trong bối cảnh không liên quan đến pháp luật như hòa giải trong nhà trường hoặc tại nơi làm việc. Các nguyên tắc cơ bản để phục hồi công lý bao gồm việc tập trung vào sửa chữa, sự tham gia, việc chịu trách nhiệm, chuyển đổi các nguyên nhân gốc rễ và việc tái hòa nhập xã hội. (cf. Roche 2006:234; Cf Strang 2001:2 ).

Phòng ngừa và ứng dụng các biện pháp một cách có hiệu quả và bền vững trong việc giải quyết các xung đột và tội phạm là rất cần thiết cho việc đạt được các MDGs (mục tiêu phát triển thiên niên kỷ), không chỉ trong việc cung cấp các điều kiện tiên quyết cần thiết, mà còn ảnh hưởng đến các lĩnh vực khác trong việc phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt là tổ chức tội phạm toàn cầu- trong đó buôn bán ma túy là phần lớn- đây là vấn nạn hết sức nghiêm trọng. Antonio Maria Coasta, Giám đốc điều hành của Văn phòng Liên hợp quốc về Ma túy và Tội phạm (UNODC), đã nói rằng việc buôn bán thuốc phiện, buôn bán người, đói nghèo và tình trạng bất ổn như là một “vòng luẩn quẩn” bởi vì chúng có ảnh hưởng lẫn nhau (cf. Costa 2010, quoted in: Morris 2010:1131). Ông cũng nhấn mạnh: “Đạt được mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG) là giải pháp tốt nhất để giảm tội phạm; nhưng đồng thời phòng chống tội phạm cũng sẽ giúp chúng ta đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ.” (cf. Costa 2010, qtd. in: Morris 2010:1131).

Chỉ tính hậu quả chi phí nổi của các cuộc xung đột đã ảnh hưởng đến cuộc sống con người, phá hoại nền kinh tế, gây bất ổn cho chính phủ, cơ sở hạ tầng hư hỏng, làm gián đoạn cung cấp dịch vụ xã hội và gây kích động mọi người (cf.UN 2007:36). Phục hồi công lý cung cấp một tập hợp các phương pháp dựa trên một lý thuyết về công lý đại diện cho một thay thế cho câu trả lời tư pháp hình sự thông thường. Qua các kết quả nghiên cứu khác nhau cho thấy sự thành công của phục hồi công lý trong các vấn đề tư pháp hình sự. Làm thế nào để các khái niệm và tư tưởng Phật giáo liên quan đến phương pháp tiếp cận phục hồi công lý? Làm thế nào họ có thể đóng góp vào quản lý xung đột hiệu quả hơn và phát triển hơn nữa của phục hồi công lý? Tương đồng trong các giả định cơ bản cơ bản của giáo lý Phật giáo và phục

hồi công lý là gì?

## **Phục hồi công lý**

Phục hồi công lý nhằm mục đích để cải thiện thiệt hại và khôi phục các mối quan hệ trong quá trình phục hồi. Nó đề cập đến một mức độ khái niệm của sự hiểu biết công lý và hành vi sai trái, và phương pháp đối phó với các cuộc xung đột trong thực tế. (cf. Zehr 2008:4). Trong khi đó, cách tiếp cận công lý báo ứng chẳng hạn như hệ thống tư pháp hình sự liên quan đến tội phạm là vi phạm pháp luật và tập trung vào sự trừng phạt đối với những người vi phạm, trong phục hồi công lý, tội phạm được hiểu là một sự vi phạm của con người và các mối quan hệ tạo ra nhu cầu và nghĩa vụ. “Phục hồi công lý bổ là một quá trình có sự tham gia, đến mức có thể của những người có liên quan trong một hành vi phạm tội cụ thể và xác định tác hại cụ thể, nhu cầu, và nghĩa vụ, để cải thiện và đặt mọi thứ đúng vào vị trí của nó.” (Zehr 2002:37) Howard Zehr, người được biết đến như một người tiên phong của phục hồi công lý, nhấn mạnh khía cạnh của xử lý cuộc xung đột chung với mục đích cải thiện và không giới hạn phục hồi công lý trong các chương trình nhất định.

Phục hồi công lý không phải là một khái niệm mới, nó đã được thực hành trong nhiều cộng đồng và các nền văn hóa trên toàn thế giới và được dựa trên tập quán truyền thống. Đây là lý do tại sao nhiều tác giả mô tả thực tiễn phục hồi là tái giới thiệu. Thực hành phục hồi để đối phó với cuộc xung đột đã được sử dụng trong các cộng đồng bản địa ở Úc, Canada, Bắc Mỹ, New Zealand, Fiji, Samoa, Nhật Bản và Thái Lan (cf. Lux 2007:10, cf. Roujanavong 2005:127 f.). Ở Nigeria, Philippines, hệ thống tư pháp ngoài nhà nước Bangladesh và Uganda dựa vào cộng đồng đã được áp dụng thường xuyên (cf. Liên Hợp Quốc 2006 29f.).

### ***Các chương trình phục hồi công lý***

Chương trình phổ biến của phục hồi công lý được áp dụng trong thực tế là gì? Phần này cung cấp một tổng quan ngắn của các mô hình phổ biến được áp dụng trong hệ thống pháp luật. Các chương trình phục hồi công lý thường được sử dụng thay thế cho thủ tục tố tụng tòa án thông thường.

### *Hòa Giải*

Trong thủ tục hòa giải hai bên hoặc nhiều bên xung đột đáp ứng với sự hướng dẫn của một người hòa giải để thảo luận về cuộc xung đột và tìm một giải pháp với nhau. Vào cuối của một quá trình thành công, một thỏa thuận được tìm thấy nơi các nghĩa vụ được xác định thường được viết ra và có chữ ký của cả hai bên. Các yếu tố của việc thiết lập đối thoại và sự sẵn sàng tham gia của các bên là trung tâm. Các loại nghĩa vụ từ các khoản thanh toán bồi thường được tính kể cả việc thanh toán cho công việc làm vườn trong các cuộc hòa giải trong gia đình.

### *Hội nghị phục hồi*

Lấy cảm hứng từ hệ thống tư pháp truyền thống của người Maori ở New Zealand (cf. Wachtel 2012:2). Mô hình hội nghị bao gồm một số lượng lớn người tham gia so với mô hình hòa giải. Người thân và bạn bè của người phạm tội và những người bị hại tham gia vào quá trình cùng các thành viên khác của cộng đồng. Hội nghị diễn ra dưới hỗ trợ và hướng dẫn các thủ tục, nhưng người tổ chức cố gắng không can thiệp vào quá trình đi đến quyết định của nhóm.

### *Vòng tròn phục hồi*

Mô hình vòng tròn truyền thống đã được sử dụng bởi các cộng đồng quốc gia đầu tiên ở Canada (cf. Zehr 2002:50). Mô hình vòng tròn trong phục hồi công lý ngày nay có các hình thức khác nhau và tập trung các khía cạnh khác nhau. Ví dụ mô hình vòng tròn kết án nhằm mục đích để xác định câu hỏi cho người phạm tội. Câu hỏi đặt ra ở đây là liệu hình thức này có thích hợp trong phục hồi công lý không, vì nó gần giống như báo ứng công lý bằng cách tập trung vào việc áp đặt “biện pháp trừng phạt thích hợp”. Các mô hình vòng tròn phục hồi khác tập trung nhiều hơn vào phục hồi những thiệt hại và nhu cầu của những người có liên quan.

### *Hội đồng lòng tin và hòa giải*

Trong những năm 1970 và 1980, nhiều hội đồng lòng tin và hòa giải được thành lập ở châu Mỹ Latinh và các nước khác để giải quyết

tội phạm liên quốc gia. Việc tìm ra sự thật và khơi lại ký ức của những người liên quan là yếu tố rất quan trọng. Hòa giải phải đảm bảo sự hòa lòng của phần lớn các thành viên bị vi phạm nhân quyền. Hội đồng sự thật và hòa giải ở Nam Phi trong vấn đề phân biệt chủng tộc là một ví dụ điển hình, được nhiều sự chú ý của giới truyền thông.

### ***Nguyên tắc cơ bản của Phục hồi công lý***

Vì thực tế phục hồi có thể xuất hiện dưới nhiều hình thức khác nhau nên chúng cần phải được dựa trên các nguyên tắc cơ bản để có thể phân loại phục hồi. Các nguyên tắc cung cấp khuôn khổ cho việc thiết lập các chương trình mới của phục hồi công lý, nhưng cũng cung cấp cơ sở cho việc tiếp tục các mô hình thường xuyên áp dụng.

#### *Tập trung vào cải thiện*

Cải thiện thiệt hại và khôi phục các mối quan hệ là trọng tâm trong các thủ tục tư pháp phục hồi như là phương tiện để giải quyết xung đột và tội phạm. Do đó nhu cầu của những người bị hại được tập trung. Những loại cải thiện nào là cần thiết? Những nhu cầu nào phát sinh từ những thiệt hại gây ra? Mục đích chính của quá trình phục hồi là để đạt được sự cải thiện và giảm sự nguy hiểm đến mức có thể.

#### *Sự tham gia*

Từ góc độ lý phục hồi, quá trình giải quyết xung đột bền vững đòi hỏi sự tham gia của những người có liên quan. Tùy thuộc vào chương trình cụ thể, các thủ tục cũng có thể bao gồm các thành viên của cộng đồng không phải là người trực tiếp tham gia vào cuộc xung đột. Đối thoại xây dựng giữa các bên xung đột nên được thiết lập và giải pháp có thể cần được thảo luận với nhau. Tác hại, nhu cầu và nghĩa vụ cần được giải quyết trong quá trình ra quyết định với sự tham gia của các bên. Phục hồi công lý liên quan đến những người có liên quan trong các cuộc xung đột, để việc giải quyết xung đột đạt được sự đồng thuận cao, các bên tham gia phải đóng vai trò chính trong quá trình xử lý (chứ không phải để việc giải quyết xung đột cho các cơ quan nhà nước mà không có sự tham gia của những người có liên quan).

### *Trách nhiệm*

Trong phục hồi công lý, những kẻ phạm tội phải chịu trách nhiệm cho hành động của mình thông qua việc đối mặt với kết quả và tham gia vào quá trình đưa ra giải pháp. Trái ngược với công lý báo ứng tập trung vào cảm giác tội lỗi, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình được tập trung trong phục hồi công lý. Jarem Sawatsky viết: “Tội lỗi làm tê liệt. Trách nhiệm kêu gọi sự phục hồi.” (Sawatsky 2003:14) Phát triển một ý thức trách nhiệm được liên kết mạnh mẽ với sự tham gia. Nếu có bao gồm trong quá trình này, người đó có thể phát triển một ý thức trách nhiệm đối với tình hình.

### *Chuyển đổi*

Phục hồi công lý nhằm mục đích loại bỏ nguyên nhân của vấn đề và biến đổi cuộc xung đột từ trong gốc rễ của nó. Không chỉ giải quyết bề nổi của vấn đề thông qua trừng phạt mà không biết được cốt lõi của cuộc xung đột, từ một cái nhìn tổng quát. Thực tế của chuyển đổi đòi hỏi những thay đổi tinh thần và không thể được áp đặt từ bên ngoài, nhưng được hỗ trợ. Đối thoại có thể dẫn đến sự hiểu biết lẫn nhau hơn về các quan điểm khác nhau và cảm xúc về cuộc xung đột và do đó, hỗ trợ việc chuyển đổi thực sự. Theo Van Ness, chuyển đổi có thể đạt được thông qua thực hiện đền bù có thể liên quan đến việc bồi thường, xin lỗi và thay đổi hành vi (cf. Van Ness 2000:7).

## **Phục hồi công lý và các khái niệm về Phật giáo**

Làm thế nào để các nguyên tắc cơ bản của phục hồi công lý cộng hưởng với các khái niệm và ý tưởng được tìm thấy trong giáo lý Phật giáo? Nơi tương đồng trong các giá trị cơ bản của phương pháp tiếp cận? Làm thế nào để tiếp thêm nguồn cảm hứng có thể đạt được từ những khái niệm và thực hành của Phật giáo? Trong phần sau đây chúng ta nhìn vào những khái niệm của Phật giáo về duyên khởi, nghiệp, vô ngã và sự chuyển đổi gốc rễ của cái ác và phân tích chúng liên quan đến nguồn cảm hứng tiềm năng cho phục hồi công lý.

### ***Duyên và Phục hồi công lý***

Các học thuyết của Phật giáo về duyên hoặc tùy thuộc phát sinh

(pattica samuppada) giả định rằng tất cả các hiện tượng đều có quan hệ với nhau. Theo đó, không có gì có thể tồn tại độc lập. “Bởi vì A phát sinh B. Vì B phát sinh C. Khi không có A thì không có B. Khi không có B thì không có C.” (Mahathera 1998:326) Giả sử một sự đồng tồn tại phụ thuộc lẫn nhau giữa tất cả mọi thứ, thế giới có thể được mô tả như một mạng lưới của các mối quan hệ mà trong đó tất cả các phần của nó đều sẽ ảnh hưởng đến toàn bộ. Do đó, mỗi hành động của bất kỳ nàocũng sẽ tác động vào mạng lưới này và tất cả mọi thứ bị chi phối lẫn nhau. Làm thế nào để hiểu được phương pháp tiếp cận công lý và đối phó với tội phạm?

Khái niệm về liên kết lẫn nhau cũng có thể được tìm thấy trong phục hồi công lý. Howard Zehr viết rằng giả thiết củaphục hồi công lý cơ bản được dựa trên khái niệm về liên kết lẫn nhau (cf. Zehr 2002:19). Phục hồi công lý liên quan đến việc phạm tội, được hiểu như là hành vi vi phạm của cá nhân và các mối quan hệ luôn ảnh hưởng đến tập thể. Sự hiểu biết về quan hệ và liên kết lẫn nhau liên quan đến xung đột và tội phạm, điều này có ngụ ý về sự tham gia cần thiết của các thành viên cộng đồng trong quá trình này. Mặc dù những người tham gia chính là nhân tố quan trọng trong việc phục hồi công lý, sự tham gia của cộng đồng cũng thường xuyên, tuy nhiên sự tham gia này cũng góp phần đáng kể vào quá trình. Trong khi phương pháp hòa giải chỉ bao gồm những người bị ảnh hưởng trực tiếp, thì phương pháp hội nghị và vòng tròn hồi phục thường bao gồm một số lượng lớn các thành viên cộng đồng.

Giả sử về một sự tồn tại liên quan đến nhau và phụ thuộc lẫn nhau cũng đề cập đến các khía cạnh của trách nhiệm ; nếu ai hiểu được bản thân mình là một phần của cộng đồng thì người đó có thể sẽ ý thức mạnh mẽ về trách nhiệm cá nhân. Việc gây tổn hại cho một người nào đó không có nghĩa là toàn bộ tổn hại đó sẽ ảnh hưởng đến mỗi cá nhân đó. Một thế giới quan dựa trên sự hiệp nhất sẽ giúp phát triển mạnh mẽ hơn cảm giác về việc quan tâm đến người và vật. Việc này có liên quan đến vấn đề về tội lỗi và đổ lỗi. Thích Nhất Hạnh lấy ví dụ về một cây không phát triển tốt: “Chúng ta đều biết thật nực cười nếu đổ lỗi cho một cây chanh, nhưng chúng ta lại đổ lỗi cho con người khi họ không phát triển tốt. [...] Nhưng con người không khác gì cây chanh. Nếu chúng ta chăm sóc tốt thì con người hay cây chanh đều sẽ phát triển đúng cách. “ ( Thích Nhất Hạnh 1998:34 ). Cây và con người

cần điều kiện nhất định để “phát triển tốt “ và thậm chí con người còn yêu cầu được chăm sóc nhiều hơn hoặc hỗ trợ nhiều hơn từ môi trường. Sự hiểu biết hơn về các điều kiện, ít giận dữ hơn là những hành xử được mong đợi.

Trong phục hồi công lý, thế giới quan liên kết với nhau được phản ánh tập trung vào cải thiện và hàn gắn cho tất cả các bên có liên quan. Nhu cầu của những người có hành vi vi phạm và nguyên nhân của tội phạm cần được giải quyết. Định hướng này hướng tới việc cải thiện và hàn gắn trong phục hồi công lý khác nhau đáng kể từ cách tiếp cận tư pháp hình sự, chủ yếu tập trung vào trách nhiệm và tội lỗi để gây tổn hại cho người có hành vi không tốt. Phương pháp vòng tròn phục hồi cung cấp một ví dụ cho ứng dụng thực tế trong giải quyết xung đột cộng hưởng, với ý tưởng liên kết lẫn nhau những người tham gia được khuyến khích chia sẻ một ý thức trách nhiệm cho hạnh phúc của cộng đồng và các cá nhân bên trong nó, và nâng cao nhận thức của mọi người rằng những gì xảy ra với một người sẽ ảnh hưởng đến tất cả. (cf. Greenwood 2005:2)

### ***Nghiệp và Phục hồi công lý***

“Gieo nhân nào gặt quả đó. Làm tốt gặt tốt. Làm ác gặt ác” Đây là luật Nghiệp Báo trong “Nghiệp và Luật nhân quả” (Mahathera 77 1998:267)

Trong luật nhân quả, cũng như trong học thuyết về Nghiệp; mối liên hệ của quá khứ, hiện tại và tương lai được giải thích rằng: hiện tại là kết quả của quá khứ, và sẽ sinh ra tương lai. (Mahathera 1998:302). Tình trạng hiện tại là kết quả của quá khứ và sẽ sản sinh ra tương lai. Trong quy luật của Nghiệp nói rằng, tất cả hành động đều có hậu quả cộng hưởng. “Hành động”, theo nghĩa rộng được hiểu là ngoài các hành vi thể hiện ra ngoài, còn bao gồm lời nói và suy nghĩ, đây là yếu tố cấu thành nên Nghiệp (cf. Mills 1999:31). David Loy cho rằng “theo Phật giáo thì các hành động có chủ ý là nhân tố quan trọng nhất tạo ra Nghiệp,”

Nếu chúng ta vô tình tạo ra một Nghiệp xấu thì như thế nào? Mills đưa ra ví dụ về việc cố ý và vô tình giết chết một con muỗi; từ đó ông đưa ra kết luận rằng Nghiệp chỉ được tạo ra nếu hành động đó được

thực hiện một cách cố ý (cf. Mills 1999:31). U Silananda thậm chí còn cho rằng Nghiệp là kết quả của những hành động được thực hiện với những động lực từ bên trong (cf. U Silananda 1999:11). Do đó, mục đích và chủ ý của hành động có giá trị cao hơn so với kết quả thực tế.

U Silananda đề cập đến sự hiểu sai về Nghiệp và đạo đức công lý: “ Các lý thuyết về nghiệp báo là thuyết nhân quả, hành động và phản ứng, đó là một quy luật tự nhiên, mà không có liên quan gì đến công lý hay thưởng phạt.” ( U Silananda 1999:6 ). Diễn giải Nghiệp là một cơ chế tự nhiên, bỏ qua sự một yếu tố quan trọng của Nghiệp: mọi người tạo ra nghiệp của chính mình. Một hệ thống đánh giá cần có sự tham gia đánh giá của nhiều người khác nhau dựa trên nhiều yếu tố và quyết định điều đúng, sai. Hiểu biết cấp cao như vậy không tồn tại trong giáo lý của Phật giáo. Ý tưởng về Nghiệp- các hành động dẫn đến hậu quả cộng hưởng – mâu thuẫn với ý kiến của xã hội bên ngoài khi đánh giá về hành vi của người khác. Trừng phạt người khác sẽ dẫn đến Nghiệp riêng của mình và còn tạo ra các tác động cộng hưởng từ những hành động sai trái này. Vậy điều gì trong Nghiệp giải thích cho Phục hồi công lý? Chúng có những điểm tương đồng nào?

### *Quá trình - Định hướng*

Nghiệp khuyến khích tập trung vào hiện tại. Tình trạng hiện tại là kết quả của những hành động trong quá khứ, và quan trọng hơn: đây là thời điểm tạo ra Nghiệp trong tương lai. Bất kể là con người đã làm điều gì trong quá khứ, đều có thể tạo ra một tương lai tốt đẹp bằng các hành vi hiện tại. Nâng cao nhận thức về việc có cơ hội tạo ra những hệ quả tốt từ các hành động hiện tại có thể khuyến khích những người phạm tội sẽ cư xử tốt hơn và sửa chữa những sai lầm của mình.

Quá trình - Định hướng là một yếu tố quan trọng trong phục hồi công lý. Bằng cách đưa những người đã phạm sai lầm vào quá trình khắc phục hậu quả, họ sẽ có cơ hội đóng góp một cái gì đó mang lại lợi ích. Nhiều tên tội phạm gặp khó khăn trong suy nghĩ rằng những gì họ làm bây giờ không còn quan trọng nữa, bởi vì họ đã gây ra tác hại trong quá khứ và sẽ không có cách nào để khắc phục điều này. Cơ hội để đáp ứng nhu cầu của người bị hại, họ có thể hiểu biết hơn và cải thiện hành vi trong tương lai. Hòa giải được xem là một ví dụ thực tế, người gây hại có cơ hội trực tiếp tham gia vào việc đáp ứng như cầu

của người bị hại. Người bị hại có thể có lợi cũng như nếu người phạm tội chịu trách nhiệm về hành động của mình và tham gia vào quá trình tìm kiếm giải pháp.

### *Trách nhiệm*

Nghiệp nhấn mạnh tầm quan trọng của hành vi ở hiện tại được liên kết với quá khứ và tương lai. Hành vi hiện tại quyết định không chỉ đến tương lai đơn lẻ của bản thân, mà còn ảnh hưởng đến tất cả các yếu tố có liên quan. Một sự việc xảy ra có thể xem là kết quả tương hổ của một hành động đơn lẻ và các hành động khác. Trong bối cảnh phạm tội, điều này có nghĩa là tội phạm không thể một mình “gây án”, mà còn có sự đóng góp của các thành phần khác trong cộng đồng đã tạo điều kiện cho tội ác được thực hiện. Trong ngắn hạn: một tội phạm được đưa ra xã hội thì có hai kết quả: hoặc là người này được xã hội cải tạo để từ bỏ con đường tội lỗi hoặc là các thành phần trong xã hội giúp đỡ họ phạm tội. Nếu cộng đồng góp phần là nguyên nhân của phạm tội do vô tình, thì sau đó cộng đồng cũng sẽ trở thành giải pháp cho vấn đề tội phạm này. Tác động của Phục hồi công lý liên quan đến mức độ và cách thức của cộng đồng với xử với tội phạm. Một ý kiến cho rằng nên đạt đến sự phát triển của Phục hồi công lý hiện tại hơn là đưa ra các giải pháp về các cuộc xung đột trong cộng đồng. Điều này đòi hỏi phải tăng cường khả năng quản lý xung đột và tái tổ chức hệ thống tư pháp hình sự, chi phối thành một diễn đàn công cộng trong đó chỉ một người duy nhất được khuyến khích chịu trách nhiệm trong cả hai nguyên nhân giải quyết và xử lý các kết quả của tội phạm.

### *Vô ngã và Phục hồi công lý*

“Vô ngã (anatta) có nghĩa là không có sự vĩnh viễn, thực tế không thay đổi trong bất kỳ điều gì cô tình hay vô tình” (Mendis 1979:3). Không có gì tồn tại như một thực thể riêng biệt, thay vào đó tất cả mọi thứ sinh ra và lớn lên không do một cá nhân đơn lẻ hoặc tự bản thân nó. Nhà sư Thích nhất Hạnh đã nói: “ Trong ánh sáng của Phật giáo, không có điều gì là tự cá nhân mỗi người. Như chúng ta đã biết, khi chúng ta bước vào cõi Phật, chúng ta mang theo tất cả những vết sẹo, những vết thương của xã hội gây ra cho chúng ta, cũng như là chúng ta đã gây ra cho xã hội” (Thích Nhất Hạnh 1987:51). Ý nghĩ về sự riêng biệt là một ảo tưởng theo quan điểm của Phật giáo. Đó là

nguyên nhân chính gây tổn hại, vì nó là khái niệm dẫn đến sự tham ái, sân si, ác cảm... (cf. Karunadasa 1981:26). La Hầu La (Rahula) cho rằng, Cái Tôi là nguyên nhân chính cho sự xuất hiện của tội phạm (cf. Rahula 1990:21). Ông nói thêm rằng “tất cả các vấn đề về kinh tế, chính trị và xã hội đều bắt nguồn từ ích kỷ ‘khát’ [khái niệm về Cái Tôi]” (Rahula 1990:21). Vậy điều gì trong Phục hồi công lý bắt nguồn từ khái niệm Vô Ngã của Phật giáo?

### *Thay đổi vai trò*

Nếu cho rằng Cái Tôi là nguyên nhân chính của vấn nạn về tội phạm, thì sự phân biệt giữa nạn nhân và người phạm tội, như là một động lực thúc đẩy cho việc hình thành Cái Tôi này, sự phân biệt này càng rạch ròi hơn trong quá trình giải quyết xung đột. **Gán ghép vai trò** có tính chất tĩnh và không phổ biến trong Phật giáo, chúng sinh được đặc trưng bởi việc liên tục hình thành và thay đổi (trái ngược với giả định của sự tĩnh tại). Lời khuyên thiết thực trong Phục hồi công lý liên quan đến việc tránh sử dụng các từ như “nạn nhân” và “tội phạm”, nó tăng cường sự sáo rỗng, rập khuôn. Thay thế các từ “kẻ làm điều ác” hay “người bị hại” bằng từ “người liên quan”, việc này ngầm phán xét toàn diện con người hơn là chỉ đánh giá hành vi của họ.

### *Khái niệm về Cái Tôi trong các chương trình Phục hồi công lý*

Xem xét các mô hình khác nhau của phục hồi công lý, ý tưởng về vô ngã cũng có thể được áp dụng trong mô phỏng của các chương trình Phục hồi công lý. Có phải các chương trình này được xác định là mô hình tĩnh hoặc linh hoạt tùy vào ứng dụng của nó? Bao nhiêu sự bám víu vào thói quen được thể hiện qua việc thực hiện sát sao chương trình? Lời khuyên thực tế có thể liên quan đến giảm việc xác định các cách thức cụ thể của việc áp dụng các chương trình ngày càng trở nên linh hoạt trong việc thích ứng chương trình theo bối cảnh cụ thể. Chương trình phục hồi công lý là những công cụ giúp mọi người trong quá trình sửa chữa và hàn gắn chứ không phải là đại diện cho một mục đích tự thân.

### ***Kết thúc đau khổ - Chuyển đổi các nguyên nhân gốc rễ***

Tứ Diệu Đế trong giáo lý Phật giáo giải thích bản chất của khổ

(đau khổ, bất mãn), nguyên nhân của nó và chấm dứt của nó. Các Bát Chánh Đạo đưa ra lời khuyên thiết thực cho phát triển trí tuệ, đạo đức và sự tập trung để diệt trừ đau khổ. Từ góc độ Phật giáo nguyên nhân của đau khổ nằm trong sự hình thành tinh thần bất thiện (kleshas). Ba 'kleshas' chính được mô tả là "tam độc" hay "trạng thái bất thiện", đó là: (1) Tham ái (lobha): cho thú vui nhục dục, cho sự tồn tại, cho không tồn tại, (2) sự ác cảm (sân), (3) si (moha). Chúng cung cấp cơ sở cho các 'kleshas' khác như lo âu, ganh tị, dục vọng và trầm cảm. Tất cả các bất thiện phát sinh trong tâm trí. Cách duy nhất để chấm dứt đau khổ từ góc độ Phật giáo là giải quyết sự đau khổ ở gốc rễ của nó và chuyển đổi chúng. Làm thế nào để các bất thiện được chuyển vào trạng thái lành mạnh từ góc độ Phật giáo?

### *Giải quyết Nguyên nhân gốc rễ-Một phương pháp Phật giáo*

Làm thế nào để các nguyên nhân gốc rễ của một vấn đề có thể được loại bỏ để chấm dứt khổ đau? Giáo lý Phật giáo nhìn thấy những nguyên nhân của khổ đau chủ yếu ở ba 'kleshas' được coi là nguyên nhân cơ bản của tội phạm: tham ái, sân hận, si mê. Ít tham ái, sân hận và si mê giúp chúng ta gần gũi hơn với Niết bàn. Niết bàn có nghĩa là dừng lại hoặc kết thúc tham ái (cf. Mahathera 1998:386). Để giảm gốc rễ bất thiện, một phương pháp Phật giáo là phát triển các đối tác tích cực của họ (rễ lành): không ảo tưởng, không tham ái và không ác cảm.

- Ảo tưởng → không ảo tưởng hoặc cõi mở
- Ái dục → không tham ái hay sự rộng lượng (bao gồm sự tha thứ)
- Ác cảm → không ác cảm hay lòng từ ái

Thông qua việc gieo mầm các 'rễ lành' thì tham ái, sân hận và si mê giảm một cách tự nhiên và những hành động có hại cũng được giảm. Làm thế nào để những trạng thái tinh thần tốt gieo mầm? Thiền trong Phật giáo có vai trò quan trọng ở đây. Thiền được sử dụng để tăng yêu thương lòng tốt, sự hào phóng và nhận thức được tính chất liên kết của sự tồn tại. Chánh niệm có thể được đào tạo thông qua Thiền định và được xem là chất xúc tác để trở thành nhận thức dục vọng của mình, ác cảm và si mê thông qua quan sát các trạng thái tinh thần. Trở thành nhận thức của họ mà không cần cố gắng để thay đổi chúng là bước đầu tiên hướng tới chuyển đổi chúng. Đạt được chuyển đổi thực sự, đòi hỏi phải liên tục làm việc trên trạng thái tinh thần của một

người. Quá trình này được nhấn mạnh bởi các khái niệm của Phật giáo về vô thường: tất cả mọi thứ là một sự thay đổi năng động và liên tục; không có thực thể tĩnh của sự tồn tại. Vì vậy, hòa bình chỉ có thể đạt được bằng biện pháp hòa bình, chứ không phải do gây hại.

## Kết Luận

Nhiều sự tương đồng trong các giả định cơ bản của giáo lý Phật giáo và Phục hồi công lý được tìm thấy. Cả hai coi quan hệ và liên kết lẫn nhau như một đặc điểm chính của thực tế. Trong phục hồi công lý, sự hiểu biết về tác động tương hỗ lẫn nhau phát sinh từ giả định có sự liên kết với nhau trong tồn tại, được nhấn mạnh vào sự tham gia và trách nhiệm. Tập trung vào sửa chữa và cải thiện thay vì trừng phạt trong phục hồi công lý bằng cách nhấn mạnh các khái niệm về Nghiệp và bất bạo động của Phật giáo.

Biến đổi nội tâm được nhấn mạnh trong giáo lý Phật giáo cũng như trong phục hồi công lý và đề nghị giải quyết các cuộc xung đột nội bộ tại gốc rễ thay vì chống lại các triệu chứng. Theo Phật giáo để chấm dứt khổ đau thì tăng cường các tác nhân mang lại lợi ích thay vì chống lại các nhân tố gây hại. Phương tiện và mục đích cần phải cộng hưởng để tạo ra hòa bình. Gieo lòng từ ái, rộng lượng và sự cởi mở làm cơ sở cho hành động lành mạnh trong giáo lý Phật giáo, được xem như là nguồn cảm hứng cho cách tiếp cận phục hồi công lý: phản ánh và liên tục nuôi dưỡng cấu trúc tốt đẹp bên trong. Thiền trong Phật giáo, đào tạo chánh niệm và tu tâm thiện để tăng cường những phẩm chất tinh thần lành mạnh, mà ngăn chặn trước các vấn đề. ‘Nền văn hóa hòa bình’ được tạo ra bằng cách phát triển đức tính tích cực chính mình mà ảnh hưởng đến tất cả các phần của mạng kết nối các mối quan hệ. Phát triển nền văn hoá hoà bình hoặc môi trường phục hồi có thể có tác động to lớn liên quan đến tỷ lệ tội phạm giảm và khuyến khích sự gắn kết xã hội lớn hơn và do đó, để đạt được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ (MDG).

‘Những kiểu suy nghĩ’ (cf. Van Ness, Strong 2010:4) Phục hồi công lý cơ bản được xem là một cơ sở hữu ích cho việc thiết lập cơ chế giao dịch xung đột và xây dựng hoà bình cộng hưởng với ý tưởng cốt lõi của Phật giáo, đạt hòa bình chỉ thông qua biện pháp hòa bình. Phục hồi công lý nhằm mục đích ‘đưa các cuộc xung đột lại xã hội’ và do

đó tăng cường khả năng của cộng đồng về quản lý xung đột. Sau đó, những chi phí cần thiết của nhà nước được giảm và ý thức mạnh mẽ về trách nhiệm tập thể trong các cuộc xung đột phát sinh trong cộng đồng. Phục hồi công lý có thể không phải là 'giải pháp' cho tất cả các vấn đề tư pháp hình sự, mà là một công cụ đóng góp hiệu quả hơn và bền vững đối phó với tội phạm. Điều này tạo thành một khía cạnh có liên quan chủ yếu đến các mục tiêu thiên niên kỷ và đặc biệt là liên quan đến những thành tựu của các mục tiêu giảm đói nghèo, cải thiện sức khỏe và bệnh tật, đảm bảo môi trường được phát triển bền vững. Giáo lý Phật giáo là nguồn cảm hứng cho Phục hồi công lý và do đó, nó có thể hỗ trợ cho việc cải thiện các khuôn khổ của giải pháp tội phạm và góp phần đạt được các MDG.

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Der-Ian Yeh, Theresa (2006): *The Way to Peace. A Buddhist Perspective*. In: *International Journal of Peace Studies*, 11/1, 92-112.
- Greenwood, Jean (2005): *The Circle Process. A Path for Restorative Dialogue*. [http://www.cehd.umn.edu/ssw/rjp/resources/rj\\_dialogue\\_resources/Peacemaking\\_Healing\\_Circles/The\\_Circle\\_Process.pdf](http://www.cehd.umn.edu/ssw/rjp/resources/rj_dialogue_resources/Peacemaking_Healing_Circles/The_Circle_Process.pdf) [accessed: 30 Jan 2014].
- Karunadasa, Y. (1981): *The Buddhist Doctrine of Anicca*. In: Nyanaponika Thera (ed.): *The Three Basic Facts of Existence I: Impermanence (Anicca) Collected Essays with a Preface by Nyanaponika Thera*, Kandy: Buddhist Publication Society, 25-31.
- Latimer, Jeff; Dowden, Craig; Muise, Danielle (2005): *The Effectiveness of Restorative Justice Practices: A Meta-Analysis*. In: *The Prison Journal*, 85/2, 127-144.
- Loy, David (2000): *How to Reform a Serial Killer: The Buddhist Approach to Restorative Justice*. *Journal of Buddhist Ethics*, 7, 145-168.
- Lux, Edith (2007): *Die Gerechtigkeitskonzepte Restorative und Retributive Justice im deutschen Jugendjustizsystem*. Diplomarbeit, Otto-Friedrich-Universität Bamberg.
- Mahāthera, Nārada (1998): *The Buddha and his Teachings*. Taipei:

- The Corporate Body of the Buddha Educational Foundation.
- McConnell, John (2010): *Healing Anxiety through Meditation. A Buddhist Approach*. Phnom Penh: Centre for Peace and Conflict Studies.
- Mendis, K. N. G. (1979): *The Second Discourse of the Buddha. On the No-Self Characteristic (Anattalakkhana Sutta)*. Kandy: Buddhist Publication Society.
- Morris, Kelly (2010): Drug Crime and Criminalization threaten Progress on MDGs. In: *The Lancet*. Vol. 276, Oct. 2nd 2010.
- Nugent, William; Williams, Mona; Umbreit, Mark (2004): Participation in Victim-Offender Mediation and the Prevalence of Subsequent Delinquent Behavior: A Meta-Analysis, 14/6, 408-416.
- Prison Fellowship International (2012): What is Restorative Justice? <http://www.restorativejustice.org/university-classroom/01introduction/> [accessed: 30 Jan 2014].
- Rahula, Walpola (1990): *What the Buddha taught*. London: Wisdom Books.
- Roche, Declan (2006): Dimensions of Restorative Justice. In: *Journal of Social Issues*, 62/2, 217-238.
- Roujanavong, Wanchai (2005): Restorative Justice: Family and Community Group Conferencing (FCGC) in Thailand. Paper presented at the Seventh International Conference on Conferencing, Circles and other Restorative Practices, 9-11 Nov 2005, Manchester. [http://www.iirp.edu/iirpWebsites/web/uploads/article\\_pdfs/man05\\_roujanavong.pdf](http://www.iirp.edu/iirpWebsites/web/uploads/article_pdfs/man05_roujanavong.pdf) [accessed 30 Jan 2014].
- Strang, Heather (2001): Restorative Justice Programs in Australia. A Report to the Criminology Research Council. Research Report, <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.194.2608&rep=rep1&type=pdf> [accessed: 30 Jan 2014].
- Thich Nhat Hanh (1987): *Being Peace*. Berkeley: Parallax Press.
- Thich Nhat Hanh (1998): *Interbeing. Fourteen Guidelines for Engaged Buddhism*. Berkeley: Parallax Press.
- U Silananda, Sayadaw (1999): *Volition. An Introduction to the Law of*

Kamma. Penang: Inward Path Publisher.

United Nations (2006): Handbook on Restorative Justice Programmes. Criminal Justice Handbook Series. [http://www.unodc.org/pdf/criminal\\_justice/06-56290\\_Ebook.pdf](http://www.unodc.org/pdf/criminal_justice/06-56290_Ebook.pdf) [accessed: 14 Jan 2014].

Van Ness, Daniel (2000): The Shape of Things to Come. A Framework to think about a Restorative Justice System. Paper presented at the Fourth International Conference on Restorative Justice for Juveniles. 1-4 Oct 2000, Tübingen <http://www.restorativejustice.org/10fulltext/vanness9> [accessed: 30 Jan 2014].

Vos, Betty; Umbreit, Mark; Coates, Robert (2006): Victim Offender Mediation: An evolving Evidence-based Practice. In: Sullivan, Dennis; Tift, Larry (ed.): Handbook of Restorative Justice. A Global Perspective. London and New York: Routledge. Taylor and Francis Group.

Wachtel, Ted (2012): Defining Restorative Justice. <http://www.iirp.edu/pdf/Defining-Restorative.pdf> [accessed: 30 Jan 2014].

Zehr, Howard (2002): The little Book of Restorative Justice. Intercourse: Good Books.

Zehr, Howard (2008): Doing Justice, Healing Trauma: The Role of Restorative Justice in Peacebuilding. South Asian Journal of Peacebuilding, 1/1, 15.